

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒ ; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Khoa học Trái đất, Liên ngành Khoa học Trái đất - Mỏ;

Chuyên ngành: Khoa học môi trường.

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Dương Văn Hào

2. Ngày tháng năm sinh: 07/01/1986.....; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Danh Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số nhà 57, ngõ 85, tổ dân phố Tân Phong, phường Thụy Phương, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Căn hộ 1217 Tòa N05, Chung cư Golden time, Tân Xuân, Đông Ngạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0985 443 985;

E-mail: haodv@vnu.edu.vn.

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm 11/2011 đến tháng, năm 11/2022: Cán bộ giảng dạy tại Bộ môn Địa vật lý, Khoa Dầu khí, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Từ tháng, năm 12/2022 đến nay: Cán bộ giảng dạy tại Bộ môn Biến đổi khí hậu và Khoa học bền vững, Khoa Kiến trúc, Đô thị và Khoa học bền vững, Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Chức vụ hiện nay: Giảng viên; Giám đốc Phòng thí nghiệm; Chức vụ cao nhất đã qua:

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật, Khoa Kiến trúc, Đô thị và Khoa học bền vững, Đại học Quốc gia Hà Nội

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Địa chỉ cơ quan: 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 0243 754 7716

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Trung tâm Đào tạo hạt nhân – Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng đại học ngày 10 tháng 08 năm 2009; Số văn bằng: 324010; Ngành: Địa vật lý; Chuyên ngành: Địa vật lý; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Việt Nam.

- Được cấp bằng thạc sĩ ngày 30 tháng 04 năm 2012; Số văn bằng: 032200; Ngành: Địa vật lý; Chuyên ngành: Kỹ thuật Địa vật lý; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Việt Nam.

- Được cấp bằng tiến sĩ ngày 24 tháng 09 năm 2018; Số văn bằng: 5910; Ngành: Khoa học Trái đất; Chuyên ngành: Địa vật lý; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Khoa học và Công nghệ AGH, Ba Lan.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Khoa học Trái đất – Mỏ.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Đánh giá nồng độ hoạt độ của một số đồng vị phóng xạ trong môi trường và mức độ nguy hại của chúng đối với sức khỏe con người.

- Nghiên cứu đặc điểm phát tán, dịch chuyển, tích lũy và mức độ rủi ro của một số đồng vị phóng xạ tới môi trường.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 01 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 07 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 01 đề tài NCKH cấp cơ sở; 01 đề tài NCKH cơ bản của quỹ NAFOSTED (tương đương cấp Bộ);

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
- Đã công bố (số lượng) 64 bài báo khoa học, trong đó 52 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 01 bằng độc quyền sáng chế;
- Số lượng sách đã ký hợp đồng xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo (Quyết định số 913/QĐ-BGDĐT ngày 01/04/2022 về việc đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hai năm liên tục 2019-2020 đến năm 2020-2021); Bằng khen của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội (Quyết định số 231/QĐ-ĐHQGHN ngày 19/1/2024 về việc đã đạt thành tích xuất sắc trong công tác nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo năm 2023; Bằng khen của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội (Quyết định số 230/QĐ-ĐHQGHN ngày 19/1/2024 về việc Nhóm nghiên cứu mạnh: “Kỹ thuật hạt nhân trong nghiên cứu môi trường và bảo vệ sức khỏe” đã đạt thành tích xuất sắc trong công tác nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo năm 2023; Bằng khen của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội (Quyết định số 175/QĐ-ĐHQGHN ngày 10/1/2025 về việc đã đạt thành tích xuất sắc trong công tác nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo năm 2024; Bằng khen của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội (Quyết định số 180/QĐ-ĐHQGHN ngày 10/1/2025 về việc Nhóm nghiên cứu mạnh: “Kỹ thuật hạt nhân trong nghiên cứu môi trường và bảo vệ sức khỏe” đã đạt thành tích xuất sắc trong công tác nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo năm 2024; Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất (Quyết định số 943 ngày 18/7/2019 về việc đã có thành tích trong công bố công trình khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín năm 2018); Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất (Quyết định số 248 ngày 07/04/2021 về việc đã có thành tích tiêu biểu trong hoạt động KHCN giai đoạn 2016-2020).

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Bản thân tôi tự đánh giá theo tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo giảng dạy tại trường Đại học được quy định tại Điều 70, 72, 77 Luật Giáo dục Việt Nam năm 2005 và Điều 55 Luật Giáo dục Đại học năm 2012 như sau:

1.1. Tiêu chuẩn:

- Tư cách, phẩm chất đạo đức và tư tưởng tốt, luôn sống hòa đồng và biết chia sẻ, giúp đỡ mọi người xung quanh;
- Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp;
- Có lý lịch bản thân rõ ràng, lập trường và lý tưởng sống vững vàng và lành mạnh;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Bản thân đã được đào tạo bài bản, đạt trình độ chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ, không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy và nêu gương tốt cho người học.

1.2. Nhiệm vụ:

- Giảng dạy theo mục tiêu, đáp ứng đầy đủ và có chất lượng các chương trình giáo dục đại học và sau đại học được phân công và giao nhiệm vụ;
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và nội quy, quy định của nhà trường, nơi đang công tác;
- Giữ gìn phẩm chất, uy tín và danh dự của nhà giáo, luôn tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng với người học, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học;
- Thường xuyên học tập, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, rèn luyện trau dồi kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy, nêu gương tốt cho người học;
- Nghiên cứu, phát triển ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ, đảm bảo chất lượng đào tạo;
- Tham gia đầy đủ các công tác đoàn thể và các công tác khác;
- Hoàn thành các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 13 năm 7 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2019-2020	0	0	0	11	73.9	67.5	141.4/362.5/270
2	2020-2021	0	0	02	13	80.5	76.5	157/426/270
3	2021-2022	0	0	01	0	0	326.25	326.2/339.8/270
03 năm học cuối								
4	2022-2023	0	0	0	0	67.5	236.2	303.7/329.7/270
5	2023-2024	1	1	04	3	0	141	141/369.9/270
6	2024-2025	1	1	0	0	0	256.5	256.5/323.7/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐ ; tại nước: Ba Lan năm 2018

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ B2

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Lê Văn Đạt		x		x	2019-2021	Trường ĐH MĐC	20/12/2021
2	Nguyễn Tiến Mạnh		x	x		2020-2022	Trường ĐHKHTN	15/11/2022
3	Chu Trung Tiến		x	x		2021-2022	Trường ĐH MĐC	06/01/2023
4	Bùi Đức Liên		x	x		2021-2022	Trường ĐH MĐC	25/10/2023
5	Phạm Đình Chính		x	x		2022-2023	Trường ĐH MĐC	25/10/2023
6	Phạm Thị Thanh Xuân		x	x		2022-2023	Trường ĐH MĐC	25/10/2023
7	Trần Việt Hoàng		x	x		2021-2023	Trường ĐHKHTN	15/03/2024

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN/ TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Nghiên cứu đặc điểm và mức độ ô nhiễm ^{210}Po ở mỏ nước khoáng nóng Tiên Lãng, Hải Phòng	CN	T19-14, Cấp cơ sở (Trường Đại học Mỏ - Địa chất)	Từ tháng 05 năm 2019 đến tháng 10 năm 2020	19/10/2020/ Xếp loại kết quả: Đạt
2	Nghiên cứu đồng vị phóng xạ ^{238}U , ^{234}U , ^{228}Ra , ^{226}Ra , ^{224}Ra , ^{222}Rn , ^{220}Rn , ^{210}Pb , ^{210}Po trong nước ngầm, nước khoáng nóng và nước sinh hoạt ở phía Bắc Việt Nam	CN	105.05-2019.10, Nafosted, cấp Quốc gia.	Từ tháng 9 năm 2019 đến tháng 9 năm 2022.	08/10/2022/ Xếp loại Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I Trước khi được công nhận TS								
1	Estimation of effective dose rates caused by radon and thoron for inhabitants living in rare earth field in northwestern Vietnam (Lai Chau province)	8	Không	Journal of Radioanalytical and Nuclear Chemistry/ISSN: 0236-5731	ISI, 1.5, Q2	14	306 (1), 309-316	1/2015
2	²²⁴ Ra and the ²²⁴ Ra/ ²²⁸ Ra activity ratio in selected mineral waters from the Polish Carpathians	4	Không	Geological Quarterly/ISSN: 1641-7291	ISI, 1.0, Q3	4	61(4), 771-778	07/2017
3	Uranium and radium isotopes in some selected thermal, surface and bottled waters in Vietnam	5	Có	Journal of Radioanalytical and Nuclear Chemistry/ISSN: 0236-5731	ISI, 1.5, Q2	13	319 (3), 1345-1349	11/2018
4	High-level natural radionuclides from the Mandena deposit, South Madagascar	4	Có	Journal of Radioanalytical and Nuclear Chemistry/ISSN: 0236-5731	ISI, 1.5, Q2	21	319 (3), 1331-1338	12/2018
II Sau khi được công nhận TS								
5	Gross alpha/beta activity concentrations in spa and mineral waters in North Vietnam	8	Có	Journal of Radioanalytical and Nuclear Chemistry/ISSN: 0236-5731	ISI, 1.5, Q2	13	326 (2), 1511-1517	10/2020
6	²¹⁰ Po in soil and tobacco leaves in quang xuong,	5	Có	Radiation Protection	ISI, 0.8, Q3	6	192(1), 106-112	11/2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	vietnam and estimation of annual effective dose to smokers			Dosimetry/ISSN: 0144-8420				
7	Distribution and annual committed effective dose assessment of ^{210}Po in popular marine species at the near-shore Binh Thuan province, Vietnam	4	Có	Marine Pollution Bulletin/ISSN: 0025-326X	ISI, 4.9, Q1	15	165, 112073	02/2021
8	Assessment of ^{232}Th , ^{226}Ra , ^{137}Cs , and ^{40}K concentrations and annual effective dose due to the consumption of Vietnamese fresh milk	5	Có	Journal of Radioanalytical and Nuclear Chemistry/ISSN: 0236-5731	ISI, 1.5, Q2	13	328 (3), 1399-1404	02/2021
9	Transfer and bioaccumulation of ^{210}Po from soil to water spinach (<i>Ipomoea aquatica</i> Forrsk.) in Vietnam	6	Có	Journal of Environmental Radioactivity/ISSN: 0265-931X	ISI, 2.1, Q2	15	231, 106554	02/2021
10	Development of Artificial Neural Network for prediction of radon dispersion released from Sinquyen Mine, Vietnam	5	Có	Environmental Pollution/ISSN: 0269-7491	ISI, 7.3, Q1	17	282, 116973	03/2021
11	Natural radionuclides and assessment of radiological hazards in diferent geological formations	10	Không	Journal of Radioanalytical and Nuclear Chemistry/ISSN: 0236-5731	ISI, 1.5, Q2	10	329(2), 991-1000	06/2021

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	in Khammouan province, Laos							
12	Characteristics of radionuclides in soil and tea plant (Camellia sinensis) in Hoa Binh, Vietnam	10	Có	Journal of Radioanalytical and Nuclear Chemistry/ISSN: 0236-5731	ISI, 1.5, Q2	12	329(2), 805-814	06/2021
13	Performance comparison of the wavenumber and spatial domain techniques for mapping basement reliefs from gravity data	6	Không	Open Geosciences/ISSN: 2391-5447	ISI, 1.3, Q2	1	13(1), 1689-1700	12/2021
14	²¹⁰ Po characteristic in selected thermal water sources in Northern Vietnam	6	Có	Journal of Radioanalytical and Nuclear Chemistry/ISSN: 0236-5731	ISI, 1.5, Q2	1	331(4), 1659-1668	02/2022
15	Gross beta and alpha activities in the selected commercial freshwater fish species in Vietnam	10	Có	Environmental Science and Pollution Research/ISSN: 0944-1344	ISI, 5.8, Q1	6	29(17), 26002-26010	03/2022
16	Distribution of ²¹⁰ Po in body organs of bigeye scad and greater lizardfish species at Binh Thuan, Vietnam	13	Có	Journal of Radioanalytical and Nuclear Chemistry/ISSN: 0236-5731	ISI, 1.5, Q2	5	331(4), 1635-1643	03/2022
17	Chemical composition, radioactive and stable isotopes in several selected thermal waters in North Vietnam	5	Không	Ecological Indicators/ISSN: 1470-160X	ISI, 7.4, Q1	12	138, 108856	04/2022
18	Structural interpretation of potential field data	5	Không	Geocarto International/ISSN: 1010-6049	ISI, 3.3, Q1	42	37(27), 16900-16925	09/2022

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	using the enhancement techniques: a case study							
19	Human health risk assessment due to consumption of dried fish in Chennai, Tamil Nadu, India: a baseline report	9	Có	Environmental Science and Pollution Research/ISSN: 0944-1344	ISI, 5.8, Q1	11	31(29), 41388-41401	05/2023
20	Radiological Hazard Assessment of High-Level Natural Radionuclides in Surface Sediments Along Red River, Vietnam	8	Có	Archives of Environmental Contamination and Toxicology/ISSN: 0090-4341	ISI, 3.7, Q1	10	85(3), 302-313	05/2023
21	Distribution and characteristics of ^{137}Cs in surface soil in the middle of Laos	10	Không	Journal of Radioanalytical and Nuclear Chemistry/ISSN: 0236-5731	ISI, 1.5, Q2	5	332(9), 3661-3673	07/2023
22	Aeromagnetic data interpretation of the northern Kontum massif (Vietnam) for mapping subsurface structures	10	Không	Geocarto International/ISSN: 1010-6049	ISI, 3.3, Q1	5	38(1), 2246940	08/2023
23	Characteristics of ^{210}Po in Asian overbite clam (Potamocorbula laevis) from the coastal area at Thai Binh province, Vietnam	8	Có	Marine Pollution Bulletin/ISSN: 0025-326X	ISI, 4.0, Q1	4	194, 115425	08/2023
24	Natural radionuclides and radiological hazard assessment	9	Có	Journal of Radioanalytical and Nuclear	ISI, 1.5, Q2	3	333 (5), 2577–2586	08/2023

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	of building materials in North Vietnam			Chemistry/ISSN: 0236-5731				
25	An effective edge detection technique for subsurface structural mapping from potential field data	7	Không	Acta Geophysica/ISSN: 1895-7455	ISI, 2.0, Q2	9	72(3), 1661-1674	09/2023
26	Factors Contributing to Accumulation of ²¹⁰ Po in Freshwater Fishes in Dong Thai Lake, Vietnam and Radiological Hazard Assessment	3	Có	Archives of Environmental Contamination and Toxicology/ISSN: 0090-4341	ISI, 3.7, Q1	1	85(3), 314-323	09/2023
27	²²² Rn in selected waters sources from Quang Nam - Da Nang region - Central part of Vietnam	16	Có	Journal of Radiation Research and Applied Sciences/ISSN: 1687-8507	ISI, 2.5, Q2	1	17(1), 100756	11/2023
28	Source, fate and transfer of primordial radionuclides as potential contaminants in environmental matrices of high and low background radiation areas –a critical review	10	Không	International Journal of Environmental Analytical Chemistry/ISSN: 0306-7319	ISI, 2.3, Q2	13	105(4), 954-980	11/2023
29	Machine learning application for radon release prediction from the copper	9	Có	Journal of Radioanalytical and Nuclear Chemistry/ISSN: 0236-5731	ISI, 1.5, Q2	1	333 (6), 3291–3306	12/2023

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	ore mining in Sin Quyen, Lao Cai, North Vietnam							
30	Microbial consortium and impact of industrial mining on the Natural High Background Radiation Area (NHBRA), India – Characteristic role of primordial radionuclides in influencing the community structure and extremophiles pattern	9	Không	Environmental Research/ISSN: 0013-9351	ISI, 7.7, Q1	5	244, 118000	12/2023
31	Radiological hazard assessment of ²¹⁰ Po in freshwater mussels (Sinanodonta jourdyi) and golden apple snail (Pomacea canaliculata) in Vietnam	7	Có	Environmental Science and Pollution Research/ISSN: 0944-1344	ISI, 5.8, Q1	3	31 (10), 14949–14958	01/2024
32	Natural radioactivity estimation and heavy metals concentration in commercial tea brands –a baseline study on human health risk hazards due to tea consumption in Tamilnadu, India	10	Không	International Journal of Environmental Analytical Chemistry/ISSN: 0306-7319	ISI, 2.3, Q2	1	1-19	02/2024
33	Characteristics of heavy metals in surface sediments	10	Có	Regional Studies in Marine	ISI, 2.4, Q1	8	73, 103459	03/2024

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	of the Van Don-Tra Co coast, northeast Vietnam			Science/ISSN: 2352-4855				
34	Ecological risk assessment due to heavy metals prevalence in the sediments of Kayamkulam estuary, Kerala, India	12	Không	International Journal of Environmental Analytical Chemistry/ISSN: 0306-7319	ISI, 2.3, Q2	3	1-21	03/2024
35	Concentrations of ^{238}U , ^{234}U , ^{226}Ra , ^{210}Pb , and ^{210}Po in seawater at Thanh Hoa coastal area, Vietnam	3	Có	Journal of Radioanalytical and Nuclear Chemistry/ISSN: 0236-5731	ISI, 1.5, Q2	0	333(4), 1769-1777	04/2024
36	Transfer of natural radionuclides from soil to water spinach (<i>Ipomoea aquatica</i> Forssk) under flooded and unflooded conditions in Hanoi, Vietnam	12	Có	Journal of Environmental Radioactivity/ISSN: 0265-931X	ISI, 2.1, Q2	1	277, 107445	05/2024
37	Health risk assessment of radionuclides in edible fruits cultivated around natural high background radiation areas of Manavalakurichi, Tamil Nadu, India	9	Không	International Journal of Environmental Analytical Chemistry/ISSN: 0306-7319	ISI, 2.3, Q2	2	1-14	06/2024
38	3D models for hydrothermal copper ore bodies at Sin Quyen deposit, North Vietnam: A case report for ore reserves and prediction of	6	Có	Heliyon/ISSN: 2405-8440	ISI, 3.6, Q1	0	10(12) e33017	06/2024

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	hidden mineral resource potential							
39	Characteristics and radiological hazard assessment of ²¹⁰ Po in tilapia (Oreochromis niloticus) in Vietnam	1	Có	Environmental Science and Pollution Research/ISSN: 0944-1344	ISI, 5.8, Q1	0	31(39), 51858-51869	08/2024
40	Characteristics and radiological hazard assessment of ²¹⁰ Po activity level in Dotted gizzard shad (Konosirus punctatus) from Quang Ninh province, Northern Vietnam	7	Có	Regional Studies in Marine Science/ISSN: 2352-4855	ISI, 2.1, Q1	1	78, 103762	08/2024
41	Subsurface structural mapping of the Ba Na area (Vietnam) utilizing aeromagnetic data	6	Không	Earth Science Informatics/ISSN: 1865-0481	ISI, 2.7, Q2	0	17(6), 5585-5602	09/2024
42	Uranium isotopes and several heavy elements in selected waters in Quang Nam-Da Nang provinces, Central Vietnam	12	Không	Journal of Radioanalytical and Nuclear Chemistry/ISSN: 0236-5731	ISI, 1.5, Q2	0	333(11), 5687-5699	09/2024
43	Arsenic and Heavy Metals in Soils and Plants near Sulfide Mines: Implications for Phytoremediation and Phytomanagement	11	Không	Environmental Management/ISSN: 1432-1009	ISI, 2.7, Q1	0	75(2), 376-391	10/2024
44	Evaluation of ²¹⁰ Po, ²¹⁰ Pb, and potentially toxic	10	Không	International Journal of Environmental	ISI, 2.3, Q2	0	1-24	11/2024

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	element concentrations in aquatic environments and polychaetes along the southeast coast of Chennai, Tamil Nadu: a baseline report			Analytical Chemistry/ISSN: 0306-7319				
45	Application of the new edge filters of aeromagnetic data to detect the subsurface structural elements controlling the mineralization in the Barramiya area, Eastern Desert of Egypt	6	Không	Journal of King Saud University - Science/ISSN: 1018-3647	ISI, 3.7, Q1	1	36(11), 103539	11/2024
46	Radiological risk assessment and characteristics of gross alpha and beta activities in vegetables, tubers, and fruits in Hanoi, Vietnam	10	Có	International Journal of Environmental Analytical Chemistry/ISSN: 0306-7319	ISI, 2.3, Q2	0	1-12	11/2024
47	Enhancing the total-field magnetic anomaly using the normalized source strength	8	Không	Open Geosciences/ISSN: 2391-5447	ISI, IF 2024: 1.7, Q2	0	16(1), 20220741	12/2024
48	Assessment of natural radioactivity levels in polychaetes along southeast coast of Chennai, Tamil Nadu, India – a pilot study	10	Không	Toxicological & Environmental Chemistry/ISSN: 0277-2248	ISI, 1.1, Q3	0	107(1), 78-97	1/2025

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
49	Radiation doses received by humans in their dwellings – A baseline report on radionuclides exposure from construction materials used in Chennai, Tamil Nadu, India	8	Không	Journal of Hazardous Materials/ISSN: 1873-3336	ISI, 11.3, Q1	4	484, 136754	2/2025
50	Health risk assessment of natural radionuclides through the consumption of fish species in Pazhaverkadu Lagoon, Southeast Coast of India	5	Không	Applied Radiation and Isotopes/ISSN: 1872-9800	ISI, 1.6, Q2	0	220, 111753	2/2025
51	Health risk assessment of ^{210}Po and ^{210}Pb due to consumption of dried fish from natural high background radiation areas of Kanyakumari coast, Tamil Nadu, India	11	Không	Marine Pollution Bulletin/ISSN: 0025-326X	ISI, 4.9, Q1	0	217, 118040	5/2025
52	Application of vetiver grass phytoremediation for trace element removal in dioxin-contaminated soils at Bien Hoa Airbase, Vietnam	8	Không	International Journal of Phytoremediation /ISSN: 1549-7879	ISI, 3.4, Q1	0	1-10	6/2025
53	Fort-Dauphin beach sands, south Madagascar: Natural	4	Có	Vietnam Journal of Earth Sciences/ISSN: 0866-7187	Scopus, 2.5, Q2	13	42(2), 118-129	05/2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	radionuclides and mineralogical studies							
54	Improvements of ^{210}Po determination method in thermal water samples	4	Có	Vietnam Journal of Earth Sciences/ISSN: 0866-7187	Scopus, 2.5, Q2	1	44(2), 195-212	12/2021
55	A balanced edge detector for aeromagnetic data	4	Không	Vietnam Journal of Earth Sciences/ISSN: 0866-7187	Scopus, 2.5, Q2	15	45 (3) 326-337	6/2023
56	Radiological risk assessment and characteristics of ^{210}Po in selected water sources in Quang Nam and Da Nang, Vietnam	7	Có	Vietnam Journal of Earth Sciences/ISSN: 0866-7187	Scopus, 2.5, Q2	3	46(1), 1-11	10/2023
57	Characterisation and gas chromatography–mass spectrometry analysis of products from pyrolysis of municipal solid waste using a fixed-bed reactor	10	Không	Journal of Ecological Engineering/ISSN: 2299-8993	Scopus, 1.3, Q2	0	26(7), 157–170	5/2025
58	Grain-size distribution characteristics of sediments in coastal shallow waters from Van Don to Tien Yen - Ha Coi, Northwest Gulf of Tonkin, Vietnam, according to End-member modelling analysis	10	Không	Vietnam Journal of Marine Science and Technology/ISSN: 2815-5904	QGUT	0	24(3), 235-250	8/2024
59	Spatial distribution and	11	Không	Environmental Pollution and	QTUT	0	2, 77-86	2/2025

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	radiological risk assessment of natural radionuclides in sediments from Kayamkulam Estuary, Kerala			Management/ISSN: 2950-3051				
60	Determination method of ^{238}U , ^{234}U , ^{228}Ra , ^{226}Ra , ^{210}Pb , ^{210}Po radioisotopes in groundwater	1	Có	13th Vietnam Conference on Nuclear Science and Technology	HTQT	0	7p	8/2019
61	Behaviors of ^{40}K , ^{226}Ra , ^{228}Ra , ^{137}Cs , ^{210}Po in selected different environments in Vietnam	3	Có	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Quốc Gia/ ISBN: 978-604 – 342 – 668-7	ISBN: 978-604 – 342 – 668-7	0	215-224	2021
62	Improvements of ^{210}Po Determination Method for Environmental Samples	1	Có	15th Vietnam Conference on Nuclear Science and Technology	ISBN: 9786046727170	0	21p	8/2023
63	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha và beta trong một số loài cá nước ngọt ở Việt Nam	6	Không	15th Vietnam Conference on Nuclear Science and Technology	ISBN: 9786046727170	0	11p	8/2023
64	A combination of machine learning and geophysical method for predicting of copper ore at Sin Quyen deposit, Lao Cai, Vietnam	6	Có	Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Advances in the Earth, Mining and Environmental Sciences for Safe and Sustainable Development	HTQT/ PUBLISHING HOUSE FOR SCIENCE AND TECHNOLOGY	0		10/2024

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 28 (5-10, 12, 14-16, 19, 20, 23, 24, 26, 27, 29, 31, 33, 35, 36, 38-40, 46, 53, 54, 56)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 0

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1	Bằng độc quyền sáng chế số 47519: “Phương pháp dự báo phát tán khí phóng xạ radon tại khu vực hoặc mỏ chứa chất phóng xạ”	Cục sở hữu trí tuệ	22/5/2025 (QĐ số: 84062/QĐ-SHTT.IP)	Tác giả chính	4

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: 01

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: 0

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo bậc đại học: Địa vật lý đô thị	UV Thư ký chuyên môn	Quyết định: số 453/QĐ-MĐC về việc thành lập Tổ chuyên môn xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành Địa vật lý đô thị ngày 03/06/2021	Trường Đại học Mở - Địa chất	Quyết định số 136b/QĐ-MĐC về việc cho phép đào tạo chuyên ngành Địa vật lý đô thị trình độ đại học ngày 03/03/2022.	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

Dương Văn Hào